TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 4 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Thọ;

Ông Nguyễn Văn Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Kim V (tên gọi khác Lý Thị Kim H); Cư trú: Ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Danh Vong N; Cư trú: Ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn chị Lý Thị Kim V (Lý Thị Kim H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Kim V và anh Danh Vong N tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Thời gian đầu anh chị sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến ngày 15/11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị V đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 người con chung tên là

Danh Thị Hồng N, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Thị Hồng M, sinh ngày 30/12/2013, hiện nay các cháu đang sống chung với anh chị.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Chị Lý Thị Kim V (Lý Thị Kim H) yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Kim V yêu cầu được ly hôn với anh Danh Vong N;

- Về con chung: Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Danh Thị Hồng N, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Thị Hồng M, sinh ngày 30/12/2013 và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng);

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị V thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn anh Danh Vong N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Kim V (Lý Thị Kim H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Bố L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lý Thị Kim V và anh Danh Vong N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51, Quyển số I, ngày 29 tháng 4 năm 2009. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

[5] Xét lý do xin ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị V và anh N chung sống với nhau có 02 người con chung. Tuy nhiên, chị V và anh N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2019 nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2019 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh N 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh N không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh N cũng không có ý kiến gì về việc chị V xin ly hôn, cho thấy anh N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị V và anh N cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị V và anh N có 02 con chung tên là Danh Thị Hồng N, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Thị Hồng M, sinh ngày 30/12/2013, hiện nay các con đang sống chung với anh chị, chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau, anh N thường xuyên vắng nhà thì các con do chị V nuôi dưỡng, chăm sóc, về mặt tình cảm thì các con gắn bó và yêu mến chị V nhiều hơn anh N. Tòa án có ghi ý kiến của cháu N và cháu M. Cháu N và cháu M có nguyện vọng sống chung với chị V, hơn nữa cháu N và cháu M là giới nữ nên cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ, nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Danh Thị Hồng N, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Thị Hồng M, sinh ngày 30/12/2013 cho chị V nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi.

[7] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[10] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị Kim V (Lý Thị Kim H) và anh Danh Vong N.

2. Về con chung: Giao con chung Danh Thị Hồng N, sinh ngày 25/10/2006 và Danh Thị Hồng M, sinh ngày 30/12/2013 cho chị V nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND xã Thuận H, huyện Mỹ T;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh